

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÌNH LẬP  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HS-ST  
Ngày 12-4-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thành Trung và Bà Hà Thúy Liêm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lành Thị Vệ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn Q, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1970 tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu \*\*, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Vũ Xuân U (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1944; vợ Bế Thị Đ (đã chết) và 01 con, sinh năm 2002; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Không bị kết án, không bị xử phạt hành chính, không bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/9/2020 đến nay. Có mặt.

2. Lê Thị S, sinh ngày 15 tháng 01 năm 1960 tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đội xx, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 5/10; con ông Lê Văn Đ (đã chết) và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1927; chồng Lê Văn H (không đăng ký kết hôn); con: Có 02 con (01 con riêng và 01 con chung với Lê Văn H); tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Không bị kết án, không bị xử phạt hành chính, không bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/9/2020 đến nay. Có mặt.

3. Nông Văn T, sinh ngày 29 tháng 01 năm 1989 tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nông Văn V, sinh năm 1954 và bà Đình Thị T, sinh năm 1955; vợ Phương Thị Hải H, sinh năm 1989 và

01 con, sinh năm 2013; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 28/5/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/01/2021 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T:* Ông Hoàng Văn L – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Nông Văn T1, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1967 tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nông Văn N (đã chết) và bà Phương Thị N, sinh năm 1930; vợ Hoàng Thị Y, sinh năm 1969 và 05 con; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Không bị kết án, không bị xử phạt hành chính, không bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/01/2021 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T1:* Bà Lê Thị L – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nông Văn L, sinh năm 1975. Trú tại: Khu xx, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 30 phút ngày 11/9/2020 tại địa phận xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, Phòng An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Công an huyện Đình Lập kiểm tra đối tượng Vũ Văn Q điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 12F6-2xxx có biểu hiện nghi vấn, qua kiểm tra phát hiện và thu giữ của Vũ Văn Q 01 áo mưa màu xanh bên trong có 01 túi ni lông màu đen, bên trong có 01 thỏi hình trụ, vỏ bằng ni lông màu cam, bên ngoài có ghi “Thuốc nổ nhũ tương lò than 2Φ36-200g”; 01 túi ni lông màu đen, bên trong có 60 vật hình trụ, vỏ bằng kim loại màu trắng; 01 túi ni lông màu đen, bên trong có 03 đoạn dây màu đen, có tổng chiều dài 2,56m; 01 túi ni lông màu đen, bên trong có 01 túi ni lông màu trắng đựng chất bột màu trắng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Simba màu nâu, biển kiểm soát 12F6 – 2895 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nông Văn L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masitel màu đen. Cùng ngày Vũ Văn Q giao nộp 01 thỏi hình trụ màu cam, bên ngoài có ghi “Thuốc nổ nhũ tương lò than 2Φ36-200g”; 06 đoạn kim loại hình trụ; 01 đoạn dây màu cam có chiều dài khoảng 16,5cm; 01 túi ni lông màu đen, bên trong có 02 túi ni lông màu trắng đựng chất bột màu trắng. Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Văn Q không phát hiện thu giữ gì thêm.

Tại Cơ quan điều tra Vũ Văn Q khai nhận, các vật chứng thu giữ trên là vật liệu nổ, do Vũ Văn Q mua với Lê Thị S, trú tại: Đội xx, khu Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh với mục đích mang về để đánh cá và bán lại cho những ai có nhu cầu. Ngày 18/9/2020 Cơ quan An ninh điều tra đã thu giữ của Lê Thị S 01 điện thoại di động nhãn

hiệu Nokia màu đen, bên trong có 01 sim, ngày 19/9/2020 tiến hành khám xét nơi ở của Lê Thị S nhưng không phát hiện thu giữ gì thêm.

Quá trình điều tra đã xác định được: Khoảng cuối năm 2017, Vũ Văn Q đi đến chợ T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh để tìm mua cá. Do thấy Lê Thị S bán nhiều cá bị nát nên Vũ Văn Q hỏi Lê Thị S “*cá này có phải đánh bằng mìn không*” Lê Thị S trả lời là phải. Sau đó, Vũ Văn Q và Lê Thị S cho nhau số điện thoại để liên lạc và hẹn khi nào cần mua thuốc nổ sẽ liên lạc để trao đổi việc mua bán.

Tối ngày 10/9/2020, Vũ Văn Q gọi điện thoại cho Lê Thị S đặt mua 06 kg thuốc nổ, 60 kíp nổ và dây cháy chậm được Lê Thị S đồng ý và cho biết giá thuốc nổ là 300.000đồng/kg, kíp nổ là 50.000đồng/kíp, còn dây cháy chậm thì cho kèm không mất tiền. Vũ Văn Q hẹn sáng ngày 11/9/2020 xuống nhà Lê Thị S để thực hiện việc mua bán.

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 11/9/2020, Vũ Văn Q mang theo 01 thỏi thuốc nổ trước đó đã mua với Lê Thị S với mục đích sau khi mua được vật liệu nổ sẽ mang vào khe suối khu vực xã K, huyện Đ để sử dụng và nếu có ai mua thì sẽ bán lại để kiếm lời. Sau đó, Vũ Văn Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12F6 – 2xxx đến nhà Lê Thị S. Khoảng 08 giờ cùng ngày, Vũ Văn Q đến nhà Lê Thị S mua được 06kg thuốc nổ, 60 kíp nổ và khoảng 2,5m dây cháy chậm, với tổng số tiền 4.700.000đồng. Sau đó, Vũ Văn Q cất giấu 01 thỏi thuốc nổ, 60 kíp nổ và dây cháy chậm vào túi áo mưa đang mặc, còn 06kg thuốc nổ để ở giá để đồ phía trước xe mô tô rồi đi về. Khi đi đến cây xăng thuộc thôn H, xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện đưa về trụ sở làm việc.

Qua điều tra Vũ Văn Q và Lê Thị S khai nhận: Ngoài lần mua bán vật liệu nổ ngày 11/9/2020 thì trước đó Vũ Văn Q và Lê Thị S đã mua bán trái phép vật liệu nổ với nhau 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Khoảng tháng 9 năm 2017, sau khi quen biết với Lê Thị S, Vũ Văn Q gọi điện đặt mua với Lê Thị S 01 thỏi thuốc nổ, 02 kíp nổ và dây cháy chậm, Lê Thị S đồng ý và hướng dẫn Vũ Văn Q đến nhà Lê Thị S để mua bán. Sau đó, Vũ Văn Q đến nhà Lê Thị S như đã hẹn và được Lê Thị S bán cho số vật liệu nổ trên với số tiền là 120.000đồng.

Lần 2: Khoảng tháng 11 năm 2019, Vũ Văn Q gọi điện cho Lê Thị S đặt mua 20 thỏi thuốc nổ, 40 kíp nổ và dây cháy chậm, Lê Thị S đồng ý. Sau đó, Vũ Văn Q đến nhà Lê Thị S và mua được số vật liệu nổ trên với số tiền là 2.200.000đồng. Sau khi mua được vật liệu nổ, Vũ Văn Q mang đến nhà Nông Văn T1 bán một phần cho Nông Văn T1 để kiếm lời. Tại đây, Vũ Văn Q bảo Nông Văn T1 nếu có ai mua thì gọi đến cùng mua. Sau đó, Nông Văn T1 gọi điện thoại cho Nông Văn T bảo sang nhà để cùng mua thuốc nổ. Khi Nông Văn T đến, Vũ Văn Q đã bán cho Nông Văn T 03 thỏi thuốc nổ kèm theo 04 kíp nổ và khoảng 20cm dây cháy chậm với số tiền 450.000đồng, còn Nông Văn T1 mua với Vũ Văn Q 02 thỏi thuốc nổ, 04 kíp nổ kèm dây cháy chậm với số tiền 300.000đồng. Số vật liệu nổ còn lại Vũ Văn Q mang về nhà cất giấu rồi mang đi sử dụng để đánh cá. Sau khi mua được vật liệu nổ với Vũ Văn Q, Nông Văn T1 đã sử dụng hết, còn Nông Văn T đã sử dụng 01 thỏi thuốc nổ, 01 kíp nổ và một đoạn dây cháy chậm để đánh cá, số còn lại Nông Văn T chưa sử dụng và cất giấu tại nhà. Ngày 16/9/2020 Cơ quan An ninh

điều tra đã thu giữ của Nông Văn T 02 thời hình trụ, 03 vật hình trụ màu trắng, 01 đoạn dây màu đen, chiều dài 130mm.

Lần 3: Khoảng đầu tháng 9 năm 2020, Vũ Văn Q tiếp tục đặt mua với Lê Thị S 02 thời thuốc nổ, 06 kíp nổ và dây cháy chậm. Lê Thị S báo cho Vũ Văn Q biết giá bán thuốc nổ là 200.000đồng/thời, kíp nổ giá 50.000đồng/kíp và có dây cháy chậm kèm theo. Sau đó, Vũ Văn Q đến nhà Lê Thị S và mua được số vật liệu nổ trên với số tiền 700.000đồng. Sau khi bán cho Vũ Văn Q xong, Lê Thị S cho Vũ Văn Q biết đang có thuốc nổ mới dạng bột với giá 300.000đồng/kg và hỏi Vũ Văn Q có mua về dùng thử không, Vũ Văn Q đồng ý và mua với Lê Thị S hơn 0,4kg với số tiền 120.000đồng.

Về nguồn gốc số vật liệu nổ theo lời khai của Lê Thị S: Khoảng giữa năm 2019, Lê Thị S thông qua một người làm nghề chài lưới hỏi chỗ bán cá Nhâm để Lê Thị S mua về bán lại. Lê Thị S được người này giới thiệu và cho số điện thoại 0967284658 của Lương Sơn B (trú tại thôn xx, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh) có cá Nhâm bán. Sau đó, Lê Thị S liên hệ và đến cảng C mua với Lương Sơn B được 50kg cá Nhâm, Lê Thị S thấy cá bị nát nên nghĩ cá được đánh bằng thuốc nổ nên hỏi Lương Sơn B có kíp nổ bán không, Lương Sơn B bảo có. Tại đây Lê Thị S mua với Lương Sơn B 20 kíp nổ với số tiền 700.000đồng.

Đầu tháng 9 năm 2020, Lê Thị S lại có nhu cầu mua kíp nổ nên đã gọi điện thoại cho Lương Sơn B đặt mua 100 kíp nổ, Lương Sơn B cho biết giá là 40.000đồng/kíp. Sáng ngày 10/9/2020, Lê Thị S gọi điện cho Lương Sơn B báo sẽ đến V để mua kíp nổ nhưng Lương Sơn B không ở nhà và hướng dẫn Lê Thị S đến nhà của Lương Sơn B gặp vợ là Trịnh Xuân Y để mua kíp nổ. Sau đó, Lê Thị S đến nhà gặp Trịnh Xuân Y mua với Trịnh Xuân Y 100 kíp nổ với số tiền 4.000.000đồng. Sau khi mua được, Lê Thị S mang số kíp nổ về nhà cất giấu và đã sử dụng 40 kíp nổ để đánh cá.

Ngoài ra, Lê Thị S còn mua vật liệu nổ với một người phụ nữ tên L, khoảng 30 tuổi, người Thanh Hóa (không xác định được cụ thể) và mua vật liệu nổ thông qua một số điện thoại có trong video hướng dẫn cách chế tạo vật liệu nổ, hiện nay Lê Thị S không nhớ được số điện thoại, không xác định được thời điểm mua.

Tại Kết luận giám định số 6304/C09-P2 ngày 14/9/2020 của Viện khoa học Hình sự Bộ công an đã kết luận (vật chứng thu giữ của Vũ Văn Q):

- 01 thời hình trụ vỏ ni lông màu cam, bên ngoài có ghi “thuốc nổ nhũ tương lò than 2Φ36-200g”, bên trong có chất dẻo màu trắng có trong mẫu vật ký hiệu mẫu số 01 và mẫu số 02 đều là thuốc nổ nhũ tương, khối lượng mỗi thời đều là 200g. Thuốc nổ nhũ tương dùng trong khai khoáng, mở đường.

- 60 vật hình trụ vỏ bằng kim loại màu trắng có trong mẫu vật ký hiệu mẫu số 01 và 06 vật hình trụ, vỏ bằng kim loại màu trắng có trong mẫu vật ký hiệu mẫu số 02 đều là kíp nổ đốt vỏ nhôm, cỡ số 8. Kíp nổ có tác dụng kích nổ thuốc nổ.

- 03 đoạn dây vỏ sợi màu đen, bên trong đều chứa chất bột màu đen có trong mẫu vật ký hiệu mẫu số 01 và 01 đoạn dây vỏ sợi màu đen, bên trong có chứa chất bột màu đen có trong mẫu vật ký hiệu mẫu số 02 đều là dây cháy chậm. Chiều dài của 03 đoạn

dây trong mẫu số 01 lần lượt là 27cm, 31,5cm và 198cm. Chiều dài đoạn dây trong mẫu số 02 là 17cm. Dây cháy chậm có tác dụng dẫn lửa gây nổ kíp nổ.

Các mẫu vật trên đều thuộc nhóm vật liệu nổ và còn sử dụng được.

- Chất bột màu trắng có trong mẫu ký hiệu mẫu số 01 và mẫu số 02 đều có thành phần chính là  $KClO_3$  (Kali clorat), có khối lượng lần lượt là 06kg và 0,46kg.  $KClO_3$  (Kali clorat) thường được dùng làm nguyên liệu để sản xuất thuốc pháo.

Tại Kết luận giám định số 6419/C09-P2 ngày 17/9/2020 của Viện khoa học Hình sự Bộ công an đã kết luận (vật chứng thu giữ của Nông Văn T):

- 02 thỏi hình trụ, vỏ giấy màu nâu, bên trong mỗi thỏi đều chứa chất bột màu trắng ngà đều là thuốc nổ công nghiệp Amonit, có tổng khối lượng là 120g, thường dùng trong khai khoáng, mở đường.

- 03 vật hình trụ, vỏ kim loại màu trắng đều là kíp nổ đốt vỏ nhôm, cỡ số 8. Kíp nổ có tác dụng kích nổ thuốc nổ.

- 01 đoạn dây vỏ sợi màu đen, bên trong chứa chất bột màu đen là dây cháy chậm, có chiều dài 13,0cm, dây cháy chậm có tác dụng dẫn lửa kích nổ kíp nổ.

Tất cả số mẫu vật trên đều thuộc nhóm vật liệu nổ và còn sử dụng được.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS-P2 ngày 01/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Vũ Văn Q về tội tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ; truy tố bị cáo Lê Thị S và bị cáo Nông Văn T1 về tội mua bán trái phép vật liệu nổ; truy tố bị cáo Nông Văn T về tội tàng trữ trái phép vật liệu nổ, theo quy định tại khoản 1 Điều 305 của Bộ luật Hình sự.

Tại Quyết định số 10/QĐ-VKS-P2, ngày 01/3/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phân công Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Q phạm tội tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ; các bị cáo Lê Thị S và Nông Văn T1 phạm tội mua bán trái phép vật liệu nổ; bị cáo Nông Văn T phạm tội tàng trữ trái phép vật liệu nổ.

- Về hình phạt chính:

Căn cứ khoản 1 Điều 305; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn Q từ 20 tháng đến 26 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 305; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị S từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 305; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn T1 từ 12 tháng

đến 18 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 305; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 14 tháng đến 20 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 46, điểm a, khoản 1, khoản 2, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu và giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn xử lý theo thẩm quyền đối với 02 thời thuốc nổ nhũ tương; 02 thời thuốc nổ công nghiệp Amônít; 69 ống nổ cỡ số 8 và 286,5cm dây cháy chậm vỏ sợi; tịch thu tiêu hủy 01 áo mưa màu xanh tím than, cũ đã qua sử dụng; 01 túi ni lông màu đen, bên trong có 01 túi ni lông màu trắng đựng chất bột màu trắng, trọng lượng 6kg và 01 túi ni lông màu đen, bên trong có 02 túi ni lông màu trắng đựng chất bột màu trắng, trọng lượng 0,46kg; tịch thu súng ngắn sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masitel màu đen thu giữ của Vũ Văn Q và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen thu giữ của Lê Thị S; trả lại cho ông Nông Văn L 01 xe mô tô hiệu Simba, màu nâu, biển kiểm soát 12F6-2895 và 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 0015434 mang tên Nông Văn L.

- Về biện pháp tư pháp: Truy thu đối với số tiền do phạm tội mà có để sung công quỹ nhà nước. Cụ thể truy thu của Vũ Văn Q 750.000 đồng, truy thu của Lê Thị S 7.840.000 đồng.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T1 và Nông Văn T trong phần tranh luận: Nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo Nông Văn T1 và Nông Văn T. Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T1 đồng ý với các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo Nông Văn T1 có nhân thân tốt, cư trú trên địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nông Văn T1 dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T cho rằng bị cáo Nông Văn T cư trú trên địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, tuy bị cáo đã từng phạm tội nhưng đã được xóa án tích. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nông Văn T mức án từ 12-18 tháng tù. Người bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nông Văn L cho biết: Chiếc xe mô tô hiệu Simba, màu nâu, biển kiểm soát 12F6-2895 đăng ký xe mang tên Nông Văn L. Ông Nông Văn L cho Vũ Văn Q mượn để làm phương tiện đi lại, ông không biết việc Vũ Văn Q dùng chiếc xe này để thực hiện việc mua bán trái phép vật liệu nổ. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ông Nông Văn L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho ông chiếc xe mô tô trên.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Ông Nông Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của ông Nông Văn L không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nông Văn L.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng bị thu giữ, kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở khẳng định vì mục đích lợi nhuận nên trong khoảng thời gian ngắn bị cáo Vũ Văn Q và bị cáo Lê Thị S đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép vật liệu nổ với nhau, bị cáo Nông Văn T1 và Nông Văn T thông qua Vũ Văn Q đã thực hiện hành vi mua bán, tàng trữ trái phép vật liệu nổ để phục vụ mục đích cá nhân của mình. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vũ Văn Q phạm tội tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ; các bị cáo Lê Thị S và Nông Văn T1 phạm tội mua bán trái phép vật liệu nổ; bị cáo Nông Văn T phạm tội tàng trữ trái phép vật liệu nổ tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 305 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quy định độc quyền của các cơ quan Nhà nước về chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng và quản lý vật liệu nổ. Việc tàng trữ, mua bán, sử dụng trái phép vật liệu nổ có thể gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của con người, phá hủy tài sản, môi trường, xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của các bị cáo gây ra phải được xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Đây là một vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn do nhiều bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một hình phạt do điều luật đó quy định, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[6] Để cá thể hoá hình phạt đối với các bị cáo cần phải xem xét đến vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo:

[7] Đối với bị cáo Vũ Văn Q giữ vai trò quan trọng trong vụ án là người trực tiếp liên hệ với Lê Thị S để thực hiện việc mua bán trái phép vật liệu nổ, sau khi mua được vật liệu nổ bị cáo mang bán lại cho Nông Văn T1 và Nông Văn T nhằm mục đích kiếm lợi nhuận, số vật liệu nổ còn lại bị cáo cất giấu trong nhà và mang sử dụng trái phép để đánh cá; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bố mẹ của bị cáo là ông Vũ Xuân U và bà Nguyễn Thị V được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[8] Bị cáo Lê Thị S đã tích cực, nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép vật liệu nổ cùng với bị cáo Vũ Văn Q nhằm mục đích kiếm lợi nhuận; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[9] Bị cáo Nông Văn T1 trước khi phạm tội là cán bộ nghỉ hưu và là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện nên đã tham gia thực hiện hành vi mua bán trái phép vật liệu nổ; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trong quá trình công tác bị cáo được nhận Kỷ niệm chương bảo vệ an ninh tổ quốc và Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bố của bị cáo là ông Nông Văn N được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

[10] Bị cáo Nông Văn T vì mục đích cá nhân đã tham gia thực hiện hành vi tàng trữ trái phép vật liệu nổ; bản thân bị cáo chưa có tiền sự, có 01 tiền án tuy đã được xóa án tích nhưng điều này thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu, thiếu ý thức tuân thủ pháp luật; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bố của bị cáo là ông Nông Văn V được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.



[11] Về hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh thể hiện bị cáo Vũ Văn Q không có tài sản, bị cáo Lê Thị S, Nông Văn T1, Nông Văn T có tài sản là quyền sử dụng đất nhưng là tài sản chung của vợ chồng, thu nhập của các bị cáo không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 thỏi thuốc nổ nhũ tương; 02 thỏi thuốc nổ công nghiệp Amônít; 69 ống nổ cỡ số 8 và 286,5cm dây cháy chậm vỏ sợi là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu và giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn xử lý theo thẩm quyền; đối với 01 áo mưa màu xanh tím than, cũ đã qua sử dụng; 01 túi ni lông màu đen, bên trong có 01 túi ni lông màu trắng đựng chất bột màu trắng, trọng lượng 6kg (đã trích ra 50g để giám định) và 01 túi ni lông màu đen, bên trong có 02 túi ni lông màu trắng đựng chất bột màu trắng, trọng lượng 0,46kg (đã trích ra 50g để giám định) là vật cấm tàng trữ, lưu hành và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy; đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masitel màu đen thu giữ của Vũ Văn Q và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen thu giữ của Lê Thị S là phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước; đối với chiếc xe mô tô hiệu Simba, màu nâu, biển kiểm soát 12F6-2xxx, tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn Q khai chiếc xe mô tô này là của ông Nông Văn L cho bị cáo Vũ Văn Q mượn để làm phương tiện đi lại, việc bị cáo dùng chiếc xe mô tô để thực hiện mua bán vật liệu nổ ông Nông Văn L không biết. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ông Nông Văn L đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của ông Nông Văn L đưa ra là có căn cứ nên chấp nhận.

[13] Xét thấy cần truy thu số tiền do các bị cáo Vũ Văn Q và Lê Thị S thu lợi bất chính trong những lần giao dịch mua bán trái phép vật liệu nổ. Cụ thể: Năm 2017 Lê Thị S bán cho Vũ Văn Q 01 thỏi thuốc nổ, 02 kíp nổ và dây cháy chậm với số tiền là 120.000đồng. Khoảng tháng 11 năm 2019 Lê Thị S bán cho Vũ Văn Q 20 thỏi thuốc nổ, 40 kíp nổ và dây cháy chậm với số tiền là 2.200.000đồng. Khoảng đầu tháng 9 năm 2020, Lê Thị S bán cho Vũ Văn Q 02 thỏi thuốc nổ, 06 kíp nổ, dây cháy chậm và 0,4kg thuốc nổ với số tiền 820.000đồng. Ngày 11/9/2020 Lê Thị S bán cho Vũ Văn Q 06kg thuốc nổ, 60 kíp nổ và dây cháy chậm với số tiền là 4.700.000 đồng. Tổng cộng số tiền truy thu từ Lê Thị S là 7.840.000 đồng. Đối với Vũ Văn Q khoảng tháng 11 năm 2019, Vũ Văn Q đã bán cho Nông Văn T 03 thỏi thuốc nổ kèm theo 04 kíp nổ và hơn 20cm dây cháy chậm với số tiền 450.000đồng, bán cho Nông Văn T1 02 thỏi thuốc nổ, 04 kíp nổ kèm theo dây cháy chậm với số tiền 300.000đồng. Tổng cộng số tiền truy thu từ Vũ Văn Q là 750.000 đồng.

[14] Xét ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T1 đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Hội đồng xét xử thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người hiểu biết pháp luật, nhận thức được hành vi mua bán trái phép vật liệu nổ của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy việc áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn T1 là không đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, không có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Do vậy ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T1 đưa ra là không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp

nhận. Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T đưa ra, Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

[15] Đối với Lương Sơn B và Trịnh Xuân Y, bị cáo Lê Thị S khai là người đã bán vật liệu nổ cho Lê Thị S. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, triệu tập ghi lời khai, tiến hành đối chất giữa Lương Sơn B và Trịnh Xuân Y với Lê Thị S. Tuy nhiên Lương Sơn B và Trịnh Xuân Y đều không thừa nhận được bán vật liệu nổ cho Lê Thị S, mà chỉ có giao dịch mua bán cá, ngoài lời khai của Lê Thị S không có tài liệu chứng cứ khác chứng minh hành vi phạm tội của Lương Sơn B và Trịnh Xuân Y. Đối với một người phụ nữ tên L, khoảng 30 tuổi, người Thanh Hóa và người có số điện thoại trong video hướng dẫn cách chế tạo vật liệu nổ, là những người bán vật liệu nổ cho Lê Thị S, do Lê Thị S không biết thông tin cụ thể, không nhớ số điện thoại, nên không thể điều tra, xác minh làm rõ. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[16] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng và các vấn đề khác là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[18] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 305; Điều 17; Điều 50; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Văn Q;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 305; Điều 17; Điều 50; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị S;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 305; Điều 17; Điều 50; điểm s, v, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn T1;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 305; Điều 17; Điều 50; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn T;

Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a, khoản 3, Điều 106; khoản 2, Điều 136; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Q phạm tội tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ; các bị cáo Lê Thị S và Nông Văn T1 phạm tội mua bán trái phép vật liệu nổ; bị cáo Nông Văn T phạm tội tàng trữ trái phép vật liệu nổ.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 18/9/2020.

Xử phạt bị cáo Lê Thị S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 18/9/2020.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T1 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 07/01/2021.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 07/01/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu 02 (hai) thỏi thuốc nổ nhũ tương; 02 (hai) thỏi thuốc nổ công nghiệp Amônít; 69 (sáu mươi chín) ống nổ cỡ số 08 và 286,5cm dây cháy chậm vỏ sợi giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn xử lý theo thẩm quyền; tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo mưa màu xanh tím than, cũ đã qua sử dụng; 01 (một) túi ni lông màu đen, bên trong có 01 (một) túi ni lông màu trắng đựng chất bột màu trắng có trọng lượng 6kg (đã trích ra 50g để giám định) và 01 (một) túi ni lông màu đen, bên trong có 02 (hai) túi ni lông màu trắng đựng chất bột màu trắng có trọng lượng 0,46kg (đã trích ra 50g để giám định); tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masitel màu đen, cũ đã qua sử dụng, số IMEI 1: 355121090287264, IMEI 2: 355121090287272 thu giữ của Vũ Văn Q và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, cũ đã qua sử dụng, số Seri:1357732101639497 thu giữ của Lê Thị S; trả lại cho ông Nông Văn L 01 (một) xe mô tô hiệu Simba, màu nâu, biển kiểm soát 12F6-2895, số khung 004121, số máy 01332, xe cũ đã qua sử dụng và 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 0015434 mang tên Nông Văn L do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 17/01/2003.

(Các vật chứng gồm 01 áo mưa màu xanh tím than, cũ đã qua sử dụng; 01 xe mô tô hiệu Simba, màu nâu, biển kiểm soát 12F6-2xxx; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 0015434 mang tên Nông Văn L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masitel màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04 tháng 3 năm 2021; 02 thỏi thuốc nổ nhũ tương; 02 thỏi thuốc nổ công nghiệp Amônít; 69 ống nổ số 08 và 286,5cm dây cháy chậm vỏ sợi đang được bảo quản tại Đại đội kho 29, Phòng Kỹ thuật, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận đạn dược số 03/BBNNL-c29 ngày 03/02/2021; 6,46 kg chất bột màu trắng (thuốc pháo) đã trích ra 100g để giám định hiện đang được bảo quản tại Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn. Khi bản án có hiệu lực pháp luật Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn có trách nhiệm chuyển giao số vật chứng là thuốc pháo cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn để tiêu hủy).

4. Biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền do phạm tội mà có đối với bị cáo Lê Thị S là 7.840.000 đồng (bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng); truy thu đối với bị cáo Vũ Văn Q số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Vũ Văn Q, Lê Thị S, Nông Văn T1 và Nông Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; người có QL&NVLQ;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Hoàng Văn Duy**





